

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NSDP	43.578,23	253.297,28	209.719,04	581,2
A	Chi bổ sung cân đối cho ngân sách cấp dưới			-	
B	Chi bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới			-	
C	Chi ngân sách cấp xã theo lĩnh vực	43.238,94	204.403,18	161.164,25	472,7
I	Chi đầu tư phát triển	1.717,96	14.464,36	12.746,40	842,0
1	Chi đầu tư cho các dự án	1.717,96	14.464,36	12.746,40	842,0
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề		1.100,78	1.100,78	
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội			-	
-	Chi y tế, dân số và gia đình		108,18	108,18	
-	Chi văn hóa thông tin		427,37	427,37	
-	Chi thể dục thể thao			-	
-	Chi bảo vệ môi trường			-	
-	Chi các hoạt động kinh tế		11.496,27	11.496,27	
-	Chi hoạt động của quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể		1.331,77	1.331,77	
-	Chi bảo đảm xã hội			-	
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật; chi cấp vốn điều lệ cho các quỹ			-	
3	Chi đầu tư phát triển khác			-	
II	Chi thường xuyên	40.345,96	189.938,83	149.592,86	470,8
	<i>Trong đó:</i>				
	Chi quốc phòng	1.316,10	2.086,44	770,34	158,5
	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	1.780,44	2.409,64	629,20	135,3
	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	208,00	73.045,71	72.837,71	35.118,1
	Chi Khoa học và công nghệ			-	
	Chi Y tế, dân số và gia đình	182,00	1.314,27	1.132,27	722,1
	Chi Văn hóa thông tin	700,71	1.851,61	1.150,90	264,2
	Chi Phát thanh, truyền hình, thông tấn	226,80	362,55	135,75	159,9
	Chi Thể dục thể thao	313,80	258,52	(55,28)	82,4
	Chi Bảo vệ môi trường	131,00	700,86	569,86	535,0
	Chi các hoạt động kinh tế	7.953,47	23.934,72	15.981,25	300,9
	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	25.649,74	61.361,48	35.711,74	239,2
	Chi Bảo đảm xã hội	1.796,00	22.530,50	20.734,50	1.254,5
	Chi khác	87,90	82,53	(5,38)	93,9
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay			-	

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			-	
V	Chi dự phòng ngân sách	394,00		(394,00)	-
VI	Chi tạo nguồn CCTL	781,01		(781,01)	-
VII	Chi từ nguồn viện trợ không hoàn lại			-	
VIII	Chi hỗ trợ các địa phương khác			-	
D	Chi nộp ngân sách cấp trên	339,30	339,30	-	100,0
E	Chi chuyển nguồn sang năm sau		48.554,80	48.554,80	
F	Chi trả nợ gốc			-	

phivtl-24/04/2026 07:50:36-phivtl-phivtl-phivtl